

# **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

## **CHÍNH TRỊ ĐẦU KHÓA NĂM HỌC 2017-2018**

---

### **PHẦN 1: HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH**

**Câu 1. Chủ đề cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2017 là gì?**

- a. Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.
- b. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.
- c. Suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị.
- d. Về phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.**

**Câu 2. Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, những dấu hiệu về suy thoái tư tưởng chính trị là:**

- a. Phai nhạt lý tưởng cách mạng; nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị.
- b. Trong tự phê bình, phê bình thì không dám nhận khuyết điểm, nể nang, né tránh, ngại va chạm; khi có khuyết điểm thì thiếu thành khẩn, không tự giác nhận kỷ luật.
- c. Duy ý chí, áp đặt, bảo thủ, chỉ làm theo ý mình; tham vọng chức quyền, không chấp hành sự phân công của tổ chức.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 3. Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, những biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống là:**

- a. Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi.
- b. Chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể.
- c. Ghanh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 4. Theo Hồ Chí Minh, những căn bệnh có các biểu hiện quan liêu, xa rời quần chúng, không sâu sát cơ sở, thiếu kiểm tra, đôn đốc, không nắm chắc tình hình là:**

- a. Ốc quân phiệt quan liêu.
- b. Làm việc lười biếng.
- c. Bệnh mệnh lệnh.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 5. Theo Hồ Chí Minh, nguyên nhân của bệnh quan liêu là do:**

- a. Xa nhân dân, khinh nhân dân, sợ nhân dân.
- b. Không tin cậy nhân dân.
- c. Không hiểu biết nhân dân, không yêu thương nhân dân
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 6. Năm 2017 là năm thứ bao nhiêu kỷ niệm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh?**

- a. 46 năm.
- b. 47 năm.
- c. 48 năm.**
- d. 49 năm.

**Câu 7. Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh yêu cầu cần phải quán triệt và thực hiện tốt những nội dung nào?**

- a. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- b. Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên, liên tục và có hệ thống bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động các nội dung chủ yếu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- c. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện theo phương châm trên trước, dưới sau; trong trước, ngoài sau; học đi đôi với làm theo, chú trọng việc làm theo bằng những hành động và việc làm cụ thể.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

## **PHẦN 2: LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**Câu 8. Luật Giáo dục Đại học được kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII thông qua vào ngày tháng năm nào?**

a. 17/6/2012.

**b. 18/6/2012.**

c. 19/6/2012.

d. 20/6/2012.

**Câu 9. Luật Giáo dục Đại học được áp dụng đối với đối tượng nào?**

a. Trường cao đẳng, trường đại học, học viện, đại học vùng, đại học quốc gia.

b. Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

c. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến giáo dục đại học.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 10. Mục tiêu chung của giáo dục đại học được xác định trong Luật Giáo dục Đại học là gì?**

a. Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài.

b. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có sức khỏe.

c. Có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 11. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học được xác định trong Luật Giáo dục Đại học là gì?**

a. Có kiến thức chuyên môn toàn diện.

b. Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên-xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản.

c. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 12. Cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân được xác định trong Luật Giáo dục Đại học là gì?**

a. Trường cao đẳng; trường đại học, học viện.

b. Đại học vùng, đại học quốc gia.

c. Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 13. Cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được tổ chức theo mấy loại hình?**

- a. 2
- b. 3
- c. 4
- d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 14. Theo Luật Giáo dục Đại học, cơ sở giáo dục đại học được phân tầng thành?**

- a. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.
- b. Cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng.
- c. Cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành.
- d. *Cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 15. Theo Luật Giáo dục Đại học, cơ sở giáo dục đại học được cho phép hoạt động đào tạo khi có đủ điều kiện nào sau đây?**

- a. Có quyết định thành lập cơ sở giáo dục đại học.
- b. Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, ký túc xá sinh viên.
- c. Có chương trình đào tạo và giáo trình; có đội ngũ giảng viên cơ hữu và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn; có đủ nguồn lực tài chính để hoạt động theo quy định.
- d. *Cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 16. Theo Luật Giáo dục Đại học, người đứng đầu cơ quan nào được phép quyết định thành lập đại học, học viện, trường đại học công lập?**

- a. Chủ tịch nước.
- b. Chủ tịch Quốc hội.
- c. *Thủ tướng Chính phủ.*
- d. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Câu 17. Theo Luật Giáo dục Đại học, chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học gồm?**

- a. Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp.
- b. Nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá đối với mỗi môn học và ngành học, trình độ đào tạo.
- c. Bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và các chương trình đào tạo khác.
- d. *Cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 18. Theo Luật Giáo dục Đại học, mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ là gì?**

a. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học-công nghệ của giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức.

b. Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học.

c. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học và giáo dục.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 19. Theo Luật Giáo dục Đại học, mục tiêu của hoạt động hợp tác quốc tế là gì?**

a. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

b. Tạo điều kiện để cơ sở giáo dục đại học phát triển bền vững.

c. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 20. Theo Luật Giáo dục Đại học, mục tiêu của kiểm định chất lượng giáo dục đại học là gì?**

a. Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

b. Xác nhận mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định.

c. Làm cơ sở cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục đại học và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 21. Theo Luật Giáo dục Đại học, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục đại học là gì?**

a. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật.

b. Trung thực, công khai, minh bạch.

c. Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 22. Theo Luật Giáo dục Đại học, trình độ chuẩn của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là gì?**

a. Cử nhân.

**b. Thạc sĩ.**

- c. Tiến sĩ.
- d. Cả a, b, c đều sai.

**Câu 23. Theo Luật Giáo dục Đại học, các hành vi giảng viên không được làm là gì?**

- a. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học.
- b. Gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.
- c. Lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 24. Theo Luật Giáo dục Đại học, các hành vi người học không được làm là gì?**

- a. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học.
- b. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.
- c. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.
- d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 25. Luật Giáo dục Đại học được kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII thông qua có hiệu lực thi hành khi nào?**

- a. 18/6/2012.
- b. 01/01/2013.**
- c. 01/6/2013.
- d. Cả a, b, c đều sai.

**Câu 26. Luật Giáo dục Đại học gồm có bao nhiêu chương và bao nhiêu điều?**

- a. 12 chương và 73 điều.**
- b. 13 chương và 73 điều.
- c. 14 chương và 73 điều.
- d. Cả a, b, c đều sai.

### **PHẦN 3: NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**Câu 27. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra vào thời gian nào?**

a. Tháng 12/2015

**b. Tháng 01/2016**

c. Tháng 5/2016

d. Tháng 7/2016

**Câu 28. Chủ đề Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (01/2016) là gì?**

**a. Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.**

b. Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa.

c. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

d. Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Câu 29. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra những thành quả quan trọng nào trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XI?**

a. Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên.

b. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý.

c. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 30. Tính đến Đại hội lần thứ XII (2016), công cuộc Đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã tiến hành được bao nhiêu năm?**

a. 20 năm

b. 25 năm

**c. 30 năm**

d. 35 năm

**Câu 31. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI?**

a. Đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện.

b. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch.

c. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế chậm được khắc phục.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 32. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra ở đâu?**

a. Tp. Hồ Chí Minh

**b. Hà Nội**

c. Hải Phòng

d. Đà Nẵng

**Câu 33. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã đưa ra những dự báo nào cho giai đoạn 2016-2020?**

a. Tình hình thế giới và khu vực sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, tác động trực tiếp đến nước ta, tạo ra cả thời cơ và thách thức.

b. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

c. Toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 34. Trong bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra thì nguy cơ nào là lớn nhất trong 5 năm sắp tới (2016- 2020)?**

**a. Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.**

b. Tham nhũng, quan liêu, lãng phí.

c. Diễn biến hòa bình.

d. Suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.



**Câu 35. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã đề ra mục tiêu tổng quát cho giai đoạn 2016-2020 là:**

a. Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

b. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới.

c. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

**d. Cả a, b, c đều đúng.**

**Câu 36. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đề ra mục tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm (2016 – 2020) là bao nhiêu?**

a. 6 – 6,5%/năm

**b. 6,5 – 7%/năm**

c. 7 – 7,5%/năm

d. 7,5 – 8%/năm

**Câu 37. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đề ra mục tiêu về GDP bình quân đầu người trong giai đoạn 2016 -2020 là bao nhiêu?**

a. Khoảng 1000 - 1500 USD

b. Khoảng 2000 – 2500 USD

**c. Khoảng 3.200 - 3.500 USD**

d. Khoảng 5000 – 6000 USD

**Câu 38. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đề ra mục tiêu về tăng năng suất lao động xã hội bình quân là bao nhiêu?**

**a. Khoảng 5%/năm**

b. Khoảng 10%/năm

c. Khoảng 15%/năm

d. Khoảng 20%/năm

**Câu 39. Nghị quyết của Đại hội XII đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng bao nhiêu?**

a. 30 – 40%

b. 40 – 50%

c. **65 - 70%**

d. 80 – 90%

**Câu 40. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 bao nhiêu phần trăm dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch?**

a. 40%

b. 50%

c. **90%**

d. 100%

**Câu 41. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 tỉ lệ che phủ rừng đạt bao nhiêu phần trăm?**

a. **42%**

b. 60%

c. 80%

d. 90%

**Câu 42. Nghị quyết của Đại hội XII đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt bao nhiêu phần trăm dân số?**

a. Trên 50% dân số

b. Trên 60% dân số

c. **Trên 80% dân số**

d. 100% dân số

**Câu 43. Trong mục tiêu tổng quát, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII đã thống nhất cần: *Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta...***

a. **Cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại**

b. Trở thành nước công nghiệp hiện đại

c. Trở thành nước hiện đại

d. Trở thành nước công nghiệp

**Câu 44. Trong nghị quyết của Đại hội lần thứ XII, khu vực nào trên thế giới được đánh giá sẽ “tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng”?**

- a. Châu Á
- b. Châu Á – Thái Bình Dương**
- c. Châu Âu
- d. Châu Mỹ

**Câu 45. Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII đã đưa ra mấy nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2016 – 2020?**

- a. 2 nhiệm vụ
- b. 3 nhiệm vụ
- c. 6 nhiệm vụ**
- d. 10 nhiệm vụ

**Câu 46. Nhiệm vụ đầu tiên trong các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2016 – 2020 được đề cập trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ XII là gì?**

**a. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.**

- b. Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế
- c. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
- d. Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

**Câu 47. Đại hội lần thứ XII của Đảng đã tín nhiệm bầu đồng chí nào làm Tổng Bí thư?**

- a. Nguyễn Phú Trọng**
- b. Nguyễn Xuân Phúc
- c. Trần Đại Quang
- d. Nguyễn Thị Kim Ngân

**Câu 48. Ba khâu đột phá chiến lược được đại hội XII nhất trí tiếp tục thực hiện là gì?**

- a. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- b. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.
- c. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.
- d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 49. Đảng ta đã chỉ ra bên cạnh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, thì chúng ta còn đối mặt với những nguy cơ nào?**

- a. Nguy cơ "*diễn biến hoà bình*" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta
- b. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "*tự diễn biến*", "*tự chuyển hoá*" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức
- c. Sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí
- d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 50. Đại hội lần thứ XII đã đề ra các chỉ tiêu quan trọng và nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn nào?**

- a. 2011 – 2016
- b. 2015 -2020
- c. 2016 – 2020**
- d. 2016 - 2021

**Câu 51. Trong nghị quyết của Đại hội XII đã nhận định: “*Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 30 năm đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*”. Cột mốc 30 năm đổi mới được tính từ thời điểm nào?**

- a. Năm 1975
- b. Năm 1985
- b. Năm 1986**
- d. Năm 1987

## **PHẦN 4: NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG**

### **ƯƠNG KHÓA XII**

**Câu 52. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII gồm những nghị quyết nào?**

a. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

b. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

c. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 53. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình hội nhập quốc tế?**

a. Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia.

b. Mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu; tạo thêm nhiều việc làm; nâng cao dân trí và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

c. Hội nhập kinh tế quốc tế đã đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, góp phần gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 54. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình hội nhập quốc tế?**

a. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc.

b. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình đổi mới ở trong nước chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh.

c. Hội nhập kinh tế quốc tế chưa được phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với hội nhập trong các lĩnh vực khác.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 55. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đề ra những mục tiêu nào trong quá trình hội nhập quốc tế?**

a. Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, nâng cao đời sống nhân dân.

b. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

c. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 56. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đề ra những quan điểm chỉ đạo nào trong quá trình hội nhập quốc tế?**

a. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

b. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế.

c. Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 57. Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đề ra những chủ trương, chính sách nào trong quá trình hội nhập quốc tế?**

a. Xử lý thoả đáng mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế có khả năng tự chủ cao.

b. Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế.

c. Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển nhanh và bền vững.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 58. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng?**

- a. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức hợp lý.
- b. Mô hình tăng trưởng từng bước chuyển đổi theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu.
- c. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; kết cấu hạ tầng tiếp tục được cải thiện, quan tâm đầu tư.
- d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 59. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng?**

- a. Tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư và số lượng lao động, chưa dựa nhiều vào tăng năng suất lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ.
- b. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đang có xu hướng chậm lại, chất lượng tăng trưởng thấp.
- c. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc, bội chi ngân sách còn lớn, nợ công tăng nhanh, nợ chính phủ đã vượt trần cho phép, áp lực trả nợ lớn.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 60. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng là gì?**

- a. Nhận thức và tầm nhìn của các cấp uỷ, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về đổi mới mô hình tăng trưởng chưa đầy đủ.
- b. Việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế ở các cấp, các ngành và địa phương còn thụ động, chậm trễ.
- c. Đổi mới, hoàn thiện thể chế bên trong và hội nhập với bên ngoài chưa được tiến hành đồng bộ.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 61. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng đã nêu ra những quan điểm, định hướng đổi mới nào trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng?**

a. Đổi mới mô hình tăng trưởng là để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường.

b. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đang có xu hướng chậm lại, chất lượng tăng trưởng thấp.

c. Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc, bội chi ngân sách còn lớn, nợ công tăng nhanh, nợ chính phủ đã vượt trần cho phép, áp lực trả nợ lớn.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 62. Nghị quyết số 05-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng đã nêu ra những chủ trương, chính sách nào trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng?**

a. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô.

b. Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược.

c. Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 63. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

a. Đảng ta luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

b. Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị; phát triển kinh tế - xã hội.

c. Tăng cường quốc phòng - an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

**d. Cả a, b, c đều đúng**



**Câu 64. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

a. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa đáp ứng yêu cầu.

b. Nội dung sinh hoạt đảng ở nhiều nơi còn đơn điệu, hình thức, hiệu quả chưa cao.

c. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 65. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng là gì?**

a. Tác động từ khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu; từ mặt trái của kinh tế thị trường.

b. Tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên.

c. Một số nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng có nội dung chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi và thiếu chế tài xử lý.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 66. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị là gì?**

a. Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái.

c. Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước..

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 67. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của suy thoái về đạo đức, lối sống là gì?**

a. Cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi; chỉ lo thu vén cá nhân, không quan tâm đến lợi ích tập thể; ganh ghét, đố kỵ, so bì, tị nạnh, không muốn người khác hơn mình.

b. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức; cục bộ, bè phái, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền.

c. Mắc bệnh "thành tích", háo danh, phô trương, che dấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, "đánh bóng" tên tuổi.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 68. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ là gì?**

a. Phản bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đòi thực hiện “đa nguyên, đa đảng”.

b. Phản bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đòi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự”.

c. Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập; vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 69. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã nêu ra những mục tiêu nào trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

a. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn.

b. Kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

c. Củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 70. Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã nêu ra những quan điểm nào trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng?**

a. Nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Kết hợp giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

b. Kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân.

c. Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng; Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

## **PHẦN 5: NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XII**

**Câu 71. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII gồm những nghị quyết nào?**

a. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 72. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân?**

a. Nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân đã có những bước tiến quan trọng, ngày càng tích cực hơn.

b. Kinh tế tư nhân đã phát triển trên nhiều phương diện, được tự do kinh doanh và đối xử bình đẳng hơn với các thành phần kinh tế khác.

c. Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 73. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân?**

a. Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ.

b. Kinh tế tư nhân chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

c. Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong kinh tế tư nhân còn khá phổ biến.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 74. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân là gì?**

a. Vẫn còn một số vấn đề về phát triển kinh tế tư nhân cần tiếp tục được cụ thể hoá, làm rõ hơn cả về lý luận và thực tiễn. Thể chế về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân còn nhiều bất cập.

b. Hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước còn nhiều hạn chế.

c. Xuất phát điểm phát triển và năng lực nội tại của kinh tế tư nhân còn thấp.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 75. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã nêu ra những quan điểm chỉ đạo nào trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân?**

a. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ.

b. Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng.

c. Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 76. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã nêu ra mục tiêu tổng quát trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân là gì?**

a. Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

c. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 77. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã nêu ra mục tiêu cụ thể trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân là gì?**

a. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp.

b. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Phấn đấu tăng tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP để đến năm 2020 đạt khoảng 50%, năm 2025 khoảng 55%, đến năm 2030 khoảng 60 - 65%.

c. Bình quân giai đoạn 2016 - 2025, năng suất lao động tăng khoảng 4 - 5%/năm. Thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân so với nhóm dẫn đầu ASEAN-4.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 78. Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã nêu ra những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nào trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân?**

a. Thống nhất nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân.

b. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân

c. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 79. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường?**

a. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, có nhiều đặc điểm của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập.

b. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và thế giới.

c. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 80. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường?**

a. Hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế còn nhiều hạn chế.

b. Một số loại thị trường chậm hình thành và phát triển, vận hành còn nhiều vướng mắc, kém hiệu quả. Giá cả một số hàng hoá, dịch vụ thiết yếu chưa được xác lập thật sự theo cơ chế thị trường.

c. Thể chế bảo đảm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều bất cập. Bất bình đẳng xã hội, phân hoá giàu - nghèo có xu hướng gia tăng. Xoá đói, giảm nghèo còn chưa bền vững.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 81. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là gì?**

a. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đủ rõ..

b. Tư duy bao cấp còn ảnh hưởng nặng nề.

c. Năng lực xây dựng và thực thi thể chế còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 82. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu ra những quan điểm chỉ đạo nào trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường?**

a. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững.

b. Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 83. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu ra mục tiêu tổng quát trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là gì?**

a. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

b. Tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c. Góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 84. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu ra những mục tiêu cụ thể nào trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đến năm 2020?**

a. Phân đầu hoàn thiện một bước đồng bộ hơn hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các chuẩn mực phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

b. Cơ bản bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường.

c. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 85. Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu ra những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nào trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường?**

- a. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.
- b. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.
- c. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 86. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã chỉ ra những kết quả nào trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước?**

a. Doanh nghiệp nhà nước là công cụ quan trọng để bảo đảm thực hiện có hiệu quả các chính sách ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát, đối phó với những biến động thị trường; tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.

b. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã được thu gọn hơn, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt.

c. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 87. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém nào trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước?**

a. Hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp của nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư; nợ nần, thua lỗ, thất thoát lớn.

b. Việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và thoái vốn nhà nước triển khai chậm, quá trình cổ phần hóa còn nhiều yếu kém, tiêu cực.

c. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

**d. Cả a, b, c đều đúng**



**Câu 88. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước là gì?**

a. Nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, về yêu cầu và giải pháp cơ cấu lại, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước còn chưa đầy đủ.

b. Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém, bất cập.

c. Thể chế quản lý, quản trị doanh nghiệp nhà nước còn không ít hạn chế, yếu kém.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 89. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã nêu ra những quan điểm chỉ đạo nào trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước?**

a. Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối.

b. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

c. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước để làm tốt vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 90. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã nêu ra mục tiêu tổng quát trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước là gì?**

a. Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế.

b. Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp để doanh nghiệp nhà nước giữ vững vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước.

c. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 91. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã nêu ra mục tiêu cụ thể trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước đến năm 2020 là gì?**

a. Cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; Phấn đấu hoàn thành thoái vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ, tham gia góp vốn.

b. Tập trung xử lý dứt điểm các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các dự án, công trình đầu tư của doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

c. Hoàn thiện mô hình quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước và vốn, tài sản của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**Câu 92. Nghị quyết số 12NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã nêu ra những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nào trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước đến năm 2020?**

a. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

b. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để doanh nghiệp nhà nước thật sự vận hành theo cơ chế thị trường.

c. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị và nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước.

**d. Cả a, b, c đều đúng**

**PHẦN 6: NGHỊ QUYẾT 29-NQ/TW HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI**

**Câu 93. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI đề cập đến vấn đề gì?**

a. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

b. *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

c. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

d. Cả a, b, c đều sai.

**Câu 94. Những hạn chế, yếu kém của giáo dục và đào tạo được nêu ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI là gì?**

a. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất và nhu cầu của thị trường lao động. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

b. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu.

c. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu.

d. *Cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 95. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém của giáo dục và đào tạo được nêu ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI là gì?**

a. Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và lúng túng.

b. Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng. Bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp... chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng hơn.

c. Việc phân định giữa quản lý nhà nước với hoạt động quản trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa rõ.

d. *Cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 96. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI đã đề ra bao nhiêu nhiệm vụ, giải pháp để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo?**

a. 6

b. 7

c. 8

d. 9

**Câu 97. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI đã đề ra bao nhiêu quan điểm chỉ đạo để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo?**

- a. 6
- b. 7
- c. 8
- d. 9

**Câu 98. Mục tiêu tổng quát đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị lần thứ tám khóa XI xác định là:**

- a. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.
- b. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân.
- c. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.
- d. *Cả a, b, c đều đúng.*

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2017*

**TRƯỞNG KHOA**